

LỊCH SỬ LỚP 11

CHỦ ĐỀ 4

BÀI 7. KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC
TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. VỊ TRÍ ĐỊA CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam

Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á:

- Kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
- Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á; giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo,...
- Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, dân cư đông đúc,...
- > là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng => Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

2. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- **Vai trò:** có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập, giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.
- **Ý nghĩa:** có ý nghĩa lớn trong việc hình thành và Nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường và tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc.

II. MỘT SỐ CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI TIÊU BIỂU

1. Khái quát:

- Cho đến trước cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đã tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giành thắng lợi.
- Một số cuộc kháng chiến tiêu biểu, như:

STT	Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Người chỉ huy	Trận quyết chiến
1	Kháng chiến chống quân Nam Hán	938	Ngô Quyền	Bạch Đằng (Quảng Ninh, Hải Phòng)
2	Kháng chiến chống quân Tống	981	Lê Hoàn	Bạch Đằng (Quảng Ninh, Hải Phòng)
3	Kháng chiến chống quân Tống	1075-1077	Lý Thường Kiệt	Phong tuyến Như Nguyệt (Bắc Ninh)
4	Kháng chiến chống quân Mông Cổ	1258	Trần Thái Tông; Trần Thủ Độ	Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc); Đông Bộ Đầu (Hà Nội).

5	Kháng chiến chống quân Nguyên	1285	Trần Thánh Tông; Trần Quốc Tuấn	Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên); Chương Dương, Thăng Long (Hà Nội).
6	Kháng chiến chống quân Nguyên	1287-1288	Trần Nhân Tông; Trần Quốc Tuấn	Vân Đồn - Cửa Lục, Bạch Đằng (Quảng Ninh).
7	Kháng chiến chống quân Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang).
8	Kháng chiến chống quân Thanh	1789	Quang Trung (Nguyễn Huệ)	Ngọc Hồi - Đống Đa (Hà Nội).

2. Nguyên nhân thắng lợi

a/ Nguyên nhân chủ quan

- Là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.
- Nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn -> các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia kháng chiến, tạo thành khối đoàn kết toàn dân vững chắc.
- Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.
- Sự lãnh đạo, chỉ huy tài tình đều là các tướng lĩnh tài năng, mưu lược như Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ - Quang Trung....

b/ Nguyên nhân khách quan:

- Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang là chiến tranh phi nghĩa.
- Trong quá trình xâm lược, quân giặc còn gặp một số khó khăn như: đường hành quân xa, thiếu lương thực, không quen địa hình và điều kiện tự nhiên nhiên của Đại Việt,...

III. MỘT SỐ CUỘC KHÁNG CHIẾN KHÔNG THÀNH CÔNG

1. Khái quát:

Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam có một số lần kháng chiến không thành công như:

- Kháng chiến chống quân Triệu của An Dương Vương (179 TCN)
- Kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ (1406 - 1407)
- Kháng chiến chống thực dân Pháp của triều Nguyễn (1858 - 1884)

2. Nguyên nhân kháng chiến không thành công

- Những người lãnh đạo kháng chiến đã không tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân.
- Những người lãnh đạo, chỉ huy đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng.
- Tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Việt Nam được coi là “cầu nối” giữa Trung Quốc với khu vực nào dưới đây ?

- A. Đông Bắc Á. B. Đông Nam Á. C. Tây Nam Á. D. Nam Á.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?

- A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
- B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.
- C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
- D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Câu 3. Do có vị trí địa lí chiến lược quan trọng, nên trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam là

- A. trung tâm thương mại có tầm ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế.
- B. một cường quốc thương mại đường biển, có vai trò chi phối kinh tế thế giới.
- C. địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc trong khu vực và thế giới.
- D. “vùng đệm” giao lưu buôn bán, trao đổi giữa các châu lục trên thế giới.

Câu 4. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với

- A. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.
- B. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.
- C. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.
- D. sự ổn định và phát triển của tình hình văn hóa - xã hội.

Câu 5. Nhân vật lịch sử nào nào được đề cập đến trong câu đố dân gian sau đây?

“Đố ai trên Bạch Đằng giang,
Làm cho cọc nhọn dọc ngang sáng ngời,
Phá quân Nam Hán tời bời,
Gươm thần độc lập giữa trời vang lên?”

- A. Lê Hoàn. B. Ngô Quyền. C. Trần Hưng Đạo. D. Dương Đình Nghệ.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng ở Việt Nam năm 938?

- A. Quân Nam Hán chủ quan, hiếu chiến, không thông thạo địa hình.
- B. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.
- C. Quân Nam Hán lực lượng ít, khí thế chiến đấu kém cỏi, vũ khí thô sơ.
- D. Tài thao lược và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền cùng các tướng lĩnh khác.

Câu 7. Người chỉ huy nhân dân Đại Cồ Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 là

- A. Đinh Bộ Lĩnh. B. Lê Hoàn. C. Ngô Quyền. D. Trần Quốc Tuấn.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?

- A. Chấm dứt thời kì kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc.
- B. Bảo vệ vững chắc nền độc lập của nhà nước Đại Cồ Việt.
- C. Khẳng định vị thế của Vạn Xuân đối với các nước lân cận.
- D. Chấm dứt thời Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ cho dân tộc.

Câu 9. Kế sách nào của Ngô Quyền đã được quân dân nhà Tiền Lê kế thừa, vận dụng để đánh đuổi quân Tống xâm lược năm 981?

- A. Tiên phát chế nhân. B. Đánh thành diệt viện.
- C. Vườn không nhà trống. D. Trận địa bãi cọc.

Câu 10. Nguyên nhân quan trọng quyết định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 là do

- A. Lê Hoàn đề nghị giảng hòa để giảm bớt hao tổn.
- B. sự chiến đấu anh dũng của quân dân Đại Cồ Việt.
- C. nhà Tống bị hao tổn binh lực nên chủ động rút quân.
- D. nhà Tống nhận thấy việc xâm lược Đại Việt là phi nghĩa.

Câu 11. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước với kế hoạch nào đây?

- A. Chuẩn bị lực lượng để tiến công.
- B. Tìm cách giảng hòa với Tống.
- C. Chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.
- D. Kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

Câu 12. Cách kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai (1075 – 1077) có nét độc đáo nào sau đây?

- A. Chủ động đề nghị giảng hoà với nhà Tống.
- B. Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.
- C. Tống tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng.
- D. Cắt đứt mọi quan hệ ban giao với nhà Tống.

Câu 13. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên thắng lợi (thế kỉ XIII) gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào dưới đây?

- A. Nhà Tiền Lê.
- B. Nhà Lý.
- C. Nhà Trần.
- D. Nhà Hồ.

Câu 14. Khi quân Nguyên tiến vào Thăng Long (năm 1285), vua Trần đã chỉ đạo nhân dân thực hiện chủ trương nào dưới đây?

- A. Kiên quyết chống trả để bảo vệ Kinh đô.
- B. Thực hiện “Vườn không nhà trống”.
- C. Tấn công trước để chặn thế mạnh của giặc.
- D. Đầu hàng quân giặc để tránh tổn thất.

Câu 15. Câu nói: “*Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo*” là của vị tướng nào sau đây trong cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên lần thứ nhất?

- A. Trần Bình Trọng.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Quốc Tuấn.
- D. Trần Khánh Dư.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng nguyên nhân ba lần giặc Mông- Nguyên thất bại trong cuộc xâm lược Đại Việt?

- A. Đường lối quân sự của Đại Việt rất độc đáo, linh hoạt, sáng tạo.
- B. Lực lượng quân Mông- Nguyên ít, khí thế chiến đấu kém cỏi.
- C. Đại Việt có đội ngũ tướng lĩnh tài giỏi, danh tiếng kiệt xuất.
- D. Nhân dân Đại Việt có lòng yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm.

Câu 17. Từ thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc, bài học kinh nghiệm nào rút ra trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

- A. Tiến công giặc một cách thần tốc, bất ngờ.
- B. Tập trung vào việc xây dựng thành lũy kiên cố.
- C. Tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc.
- D. Chủ động tấn công để chặn trước thế mạnh của giặc.

Câu 18. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938 và cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên năm 1288 có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Ta chủ động tiến công tiêu diệt kẻ thù.
- B. Thực hiện chủ trương “vườn không nhà trống”.
- C. Tìm cách giảng hòa với giặc để bảo tồn lực lượng.
- D. Trận quyết chiến diễn ra trên sông Bạch Đằng.

Câu 19. Nguyễn Huệ lựa chọn đoạn sông Rạch Gầm - Xoài Mút làm nơi quyết chiến với quân Xiêm, vì lý do nào sau đây?

- A. Là biên giới tự nhiên ngăn cách lãnh thổ Việt - Xiêm.
- B. Sông lớn, quân ta dễ dàng tiến công tiêu diệt kẻ thù.
- C. Vị trí hiểm trở nên quân Xiêm khó có đường rút lui.
- D. Có địa thế hiểm trở, phù hợp cho bố trí trận địa mai phục.

Câu 20. Trận đánh nào có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Xiêm của nghĩa quân Tây Sơn (1785)?

- A. Tốt Động - Chúc Động.
- B. Rạch Gầm - Xoài Mút.
- C. Chi Lăng - Xương Giang.
- D. Ngọc Hồi - Đống Đa.

Câu 21. Nguyên nhân chủ quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Quân giặc không quen địa hình và điều kiện tự nhiên.
- B. Quân giặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược.
- C. Tinh thần yêu nước, đoàn kết chiến đấu của dân tộc Việt Nam.
- D. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.

Câu 22. Nguyên nhân khách quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.
- B. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.
- C. Các cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam mang tính chính nghĩa.
- D. Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.

Câu 23. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của Nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương?

- A. Nội bộ Nhà nước Âu Lạc mất đoàn kết.
- B. Nước Âu Lạc không có thành lũy kiên cố, vũ khí thô sơ.
- C. Triệu Đà dùng kế nội gián để phá hoại, do thám tình hình.
- D. An Dương Vương chủ quan, thiếu cảnh giác trước kẻ thù.

Câu 24. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ (1406 - 1407) thất bại đã để lại bài học kinh nghiệm nào cho các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc sau này?

- A. Xây dựng thành lũy chiến đấu kiên cố.
- B. Trang bị vũ khí hiện đại tối tân.
- C. Tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc.
- D. Xây dựng lực lượng quân sự mạnh.

Câu 25. Nguyên nhân sâu xa thúc đẩy thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX là do

- A. nhu cầu về vốn, nhân công và thị trường của tư bản Pháp.
- B. Triều đình nhà Nguyễn căm thù nhân Pháp đến Việt Nam buôn bán.
- C. Chính sách “căm đạo”, “bế quan tỏa cảng” của triều đình nhà Nguyễn.
- D. Triều đình nhà Nguyễn thực hiện không nghiêm túc hiệp ước kí với Pháp.

Câu 26. Hiệp ước Pa-tơ-nôt (1884) được ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp là mốc đánh dấu

- A. triều đình nhà Nguyễn thỏa hiệp với thực dân Pháp.
- B. thực dân Pháp căn bản hoàn thành xâm lược Việt Nam.
- C. nhân dân Việt Nam chấp nhận đầu hàng thực dân Pháp.
- D. phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn đầu hàng Pháp.

Câu 27. Nguyên nhân nào dưới đây là đúng về sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Không xây dựng được khối đoàn kết dân tộc.
- B. Không có tướng lĩnh tài giỏi, quân đội mạnh.
- C. Không có vũ khí hiện đại, thành lũy kiên cố.
- D. Nhân dân bị khuất phục trước sức mạnh của giặc.

Câu 28. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Tương quan lực lượng quá chênh lệch.
- B. Những sai lầm trong đường lối kháng chiến.
- C. Không xây dựng được khối đoàn kết dân tộc.
- D. Không có tướng lĩnh tài giỏi, thành lũy kiên cố.

Câu 29. Thắng lợi nào ở thế kỉ X đã chấm dứt thời kì Bắc thuộc, đưa Việt Nam bước vào thời kì độc lập, tự chủ lâu dài?

- A. Ngô Quyền xưng vương lập ra nhà Ngô (939).
- B. Chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo (938).
- C. Khởi nghĩa giành quyền tự chủ của Khúc Thừa Dụ (905).
- D. Khúc Hạo cải cách hành chính, xây dựng quyền tự chủ (907).

Câu 30. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam là do

- A. tương quan lực lượng có sự chênh lệch.
- B. không có sự chuẩn bị, thành lũy thiếu kiên cố.
- C. Không có tướng lĩnh tài giỏi, quân đội mạnh.
- D. Nhân dân thiếu tinh thần chiến đấu.

Câu 31. Con sông nào sau đây gắn liền với cuộc kháng chiến chống quân Tống của Lý Thường Kiệt (1075-1077)?

- A. Sông Bạch Đằng.
- B. Sông Như Nguyệt.
- C. Sông Mã.
- D. Sông Hồng.

Câu 32. Dưới triều đại nhà Lý, trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã có chủ trương nào sau đây?

- A. Giảng hòa với nhà Tống.
- B. “Ngồi yên đợi giặc”
- C. Thực hiện kế “vườn không nhà trống”.
- D. “Tiến công trước để tự vệ”.

Câu 33. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thất bại của phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884)?

- A. Nhà Nguyễn thiếu quyết tâm chiến đấu chống thực dân Pháp.
- B. Pháp có ưu thế hơn về vũ khí, kĩ thuật, phương tiện chiến tranh.
- C. Nhân dân Việt Nam thiếu quyết tâm chiến đấu chống thực dân Pháp.
- D. Các phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra lẻ tẻ, thiếu sự liên kết.

Câu 34. Trước nguy cơ nhà Nguyên đang lần lần xâm lược Đại Việt lần thứ hai, Trần Quốc Tuấn đã soạn Hịch Tướng sĩ nhằm

- A. kêu gọi quân sĩ và nhân dân hạ vũ khí, đầu hàng giặc.
- B. khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân Đại Việt.
- C. huy động quân sĩ xây dựng phòng tuyến chống giặc.
- D. ca ngợi chiến công của những anh hùng trong lịch sử.

Câu 35. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền (938), chống quân Tống thời Tiền Lê (981) và chống quân Nguyên thời Trần (1287-1288) đều có điểm chung nào dưới đây?

- A. Xây dựng phòng tuyến kiên cố, chủ động giảng hòa với giặc.
- B. Chủ động tấn công trước để phòng vệ và chặn sức mạnh của giặc.
- C. Bố trí trận địa mai phục, giành chiến thắng trên sông Bạch Đằng.
- D. Thực hiện kế sách “vườn không nhà trống” gây khó khăn cho giặc.

Câu 36. Ý nào dưới đây là **đúng** về trận Rạch Gầm - Xoài Mút của nghĩa quân Tây Sơn?

- A. Trận thủy chiến lớn đánh tan quân xâm lược Xiêm.
- B. Trận phản công quy mô lớn đánh tan quân Mông Nguyên.
- C. Chiến thắng quan trọng đánh tan quân xâm lược nhà Minh.
- D. Chiến thắng quan trọng đánh tan quân xâm lược nhà Thanh.

Câu 37. Mùa xuân năm 1789, nghĩa quân Tây Sơn giành được thắng lợi nào dưới đây?

- A. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.
- B. Đánh tan gần 5 vạn quân Xiêm xâm lược.
- C. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.
- D. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

Câu 38. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** ý nghĩa thắng lợi của cuộc chiến đấu chống quân xâm lược nhà Thanh?

- A. Bảo vệ được nền độc lập của đất nước.
- B. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
- C. Tạo điều kiện cho sự thống nhất quốc gia.
- D. Kết thúc 1000 năm đô hộ của giặc phương Bắc.

Câu 39. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ (1406 - 1407) thất bại?

- A. Quân Minh có ưu thế hơn về lực lượng, vũ khí.
- B. Nhà Hồ không xây dựng được thành lũy kiên cố.
- C. Nhà Hồ không xây dựng được khối đoàn kết dân tộc.
- D. Nhà Hồ không có tướng lĩnh tài giỏi, quân đội mạnh.

Câu 40. Từ sự thất bại của Nhà nước Âu Lạc trong lịch sử dân tộc, bài học kinh nghiệm nào cho được rút ra trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

- A. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, trang bị các loại vũ khí hiện đại.
- B. Củng cố khối đoàn kết dân tộc, cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù.
- C. Tăng cường sự giúp đỡ của các lực lượng bên ngoài khi có chiến tranh.
- D. Luôn hòa hoãn, nhân nhượng với các thế lực bên ngoài để giữ hòa bình.

Câu 41. Tháng 9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã chọn địa điểm nào để mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Đà Nẵng.
- B. Gia Định.
- C. Hà Nội.
- D. Thuận An.

BÀI 8. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX)

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

- a/ Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng
- b/ Khởi nghĩa của Bà Triệu
- c/ Khởi nghĩa của Lý Bí
- d/ Khởi nghĩa của Phùng Hưng

* Nhận xét chung:

- Các cuộc khởi nghĩa trong thời kì Bắc thuộc thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc trong cuộc đấu tranh chống lại các triều đại phong kiến phương Bắc để giành độc lập dân tộc.

2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)

a) Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, Đại Việt rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.
 - Chính quyền đô hộ đã thực hiện chính sách cai trị hà khắc, đàn áp các cuộc đấu tranh, vơ vét của cải, phá hoại nền văn hóa Đại Việt.
- => Trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, Lê Lợi dấy binh khởi nghĩa ở Lam Sơn.

b) Diễn biến chính

- **Giai đoạn 1418 - 1423:** Căn cứ của nghĩa quân nhiều lần bị bao vây, ba lần rút lên núi Chí Linh.
- **Giai đoạn 1423 – 1424:** Tạm hòa hoãn với quân Minh để củng cố lực lượng.
- **Giai đoạn 1424 - 1425:**
 - + Nguyễn Chích hiến kế chuyển quân vào Nghệ An, dựa vào đó quay ra đánh lấy Đông Đô.
 - + Cuối năm 1424, nghĩa quân nhanh chóng giải phóng Nghệ An, giải phóng vùng rộng lớn từ Thanh Hóa – đèo Hải Vân.
- **Giai đoạn 1426 - 1427:**
 - + Tháng 11/1426, nghĩa quân Lam Sơn đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động - Chúc Động.
 - + Tháng 10/1427, khoảng 15 vạn viện binh do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy tiến vào Đại Việt cũng bị đánh tan trong trận Chi Lăng - Xương Giang.
 - + Tháng 12/1427, Lê Lợi, Vương Thông dẫn đầu đoàn tham gia Hội thề Đông Quan, quân minh rút về nước, đất nước được giải phóng.

c) Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập của vương triều Lê sơ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới cùng nền độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt.

3. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

a) Bối cảnh lịch sử

- Giữa thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến ở Đàng Trong lâm vào khủng hoảng, quan lại lạm quyền, sách nhiễu dân chúng.
- Trước tình hình đó, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ phát động cuộc khởi nghĩa với khẩu hiệu “lấy của nhà giàu chia cho người nghèo”; “đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương”.

b) Diễn biến chính

- **Giai đoạn 1771 – 1773:** Cuộc khởi nghĩa bùng nổ, nghĩa quân nhanh chóng làm chủ miền Tây Sơn thượng đạo, phủ Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Quảng Nam, chia cắt kinh thành Phú Xuân với Gia Định.

- **Giai đoạn 1774 – 1786:** Nghĩa quân Tây Sơn tập trung lực lượng tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn. Năm 1785, kháng chiến chống Xiêm thắng lợi.

- **Giai đoạn năm 1789:** Tây Sơn dưới sự lãnh đạo của vua Quang Trung đã quét sạch 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long, khôi phục nền độc lập cho đất nước.

c) Ý nghĩa lịch sử

- Phong trào Tây Sơn được xem là đỉnh cao của phong trào nông dân, đã lật đổ được chính quyền chúa Trịnh, chúa Nguyễn, đánh thắng được quân xâm lược Xiêm và Thanh, giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc.

- Phong trào Tây Sơn để lại nhiều bài học quý báu về tư tưởng và nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm.

4. Một số bài học lịch sử

- Bài học về vận động, tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân.

- Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Bài học về nghệ thuật quân sự.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh

A. đất nước độc lập, tự chủ.

B. đất nước mất độc lập, tự chủ.

C. đất nước hòa bình, ổn định.

D. đất nước bị chia cắt.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây đã mở đầu thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ của nhân dân Việt thời Bắc thuộc?

A. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

C. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

D. Khởi nghĩa Bà Triệu.

Câu 3. Thời kì Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây thắng lợi đưa đến sự ra đời nhà nước Vạn Xuân?

A. Hai Bà Trưng.

B. Bà Triệu.

C. Lý Bí.

D. Phùng Hưng.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng?

A. Lật đổ ách cai trị của nhà Minh, giành độc lập dân tộc.

B. Giành quyền tự chủ, xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước.

C. Chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.

D. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường của phụ nữ Việt Nam.

Câu 5. “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở bể Đông, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta*” là câu nói của vị nữ tướng nào dưới đây?

A. Lê Chân.

B. Bùi Thị Xuân.

C. Triệu Thị Trinh.

D. Trưng Trắc.

Câu 6. Sự ra đời và tồn tại của nhà nước Vạn Xuân gắn liền với triều đại nào dưới đây?

A. Tiền Lê.

B. Nhà Trần.

C. Tiền Lý.

D. Lê Sơ.

Câu 7. Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu thơ dân gian dưới đây?

*“Lấy Dạ Trạch làm nơi kháng chiến,
Mơ ngày về đánh chiếm Long Biên
Nhiều năm kham khổ liên miên
Hỏi ai ngang dọc khắp miền sậy lau?”*

A. Mai Thúc Loan. B. Lý Bí. C. Triệu Quang Phục. D. Dương Đình Nghệ.

Câu 8. Cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng (766 – 791) nhằm chống lại sự cai trị của

A. nhà Hán. B. nhà Ngô. C. nhà Tùy. D. nhà Đường.

Câu 9. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc khởi nghĩa sau.
- B. Thể hiện tinh thần bất khuất không cam chịu làm nô lệ của người Việt.
- C. Phản ánh sự chia rẽ, thiếu tinh thần đoàn kết trong các cuộc đấu tranh.
- D. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí tự chủ của người nhân dân Việt Nam.

Câu 10. Người giữ vai trò lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) là

A. Lê Hoàn. B. Lê Lợi. C. Nguyễn Huệ. D. Lý Bí.

Câu 11. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Đất nước độc lập, tự chủ. B. Đại Việt bị nhà Minh đô hộ.
- C. Đất nước bị chia cắt làm hai Đàng. D. Nhà Trần đang lâm vào khủng hoảng.

Câu 12. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) kết thúc thắng lợi được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?

- A. Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hóa). B. Hội thề Đông Quan (Hà Nội).
- C. Chiến thắng Bạch Đằng. D. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng chính sách cai trị của nhà Minh đối với nhân dân Việt Nam?

- A. Bắt người tài đem về nước phục dịch.
- B. Thực hiện chính sách đồng hóa về văn hóa.
- C. Đặt ra nhiều thứ thuế và chế độ lao dịch nặng nề.
- D. Duy trì bộ máy cai trị cũ từ trung ương đến địa phương.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** về tính chất của khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)?

- A. Tính nhân dân rộng rãi. B. Cuộc đấu tranh giai cấp.
- C. Chiến tranh thống nhất đất nước. D. Khởi nghĩa tự phát của nông dân.

Câu 15. Tư tưởng cốt lõi được vận dụng trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) là

A. trung quân. B. dân chủ. C. bình đẳng. D. nhân nghĩa.

Câu 16. Nghệ thuật quân sự trong kháng chiến chống Tống thời Lý tiếp tục được kế thừa và phát huy trong khởi nghĩa Lam Sơn thể hiện qua điểm nào dưới đây?

- A. Luôn tìm cách giảng hòa với kẻ thù. B. Chủ động tiến công giành thắng lợi đến cùng.
- C. Đánh nhanh, thắng nhanh. D. Giảng hòa để kết thúc chiến tranh.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)?

- A. Khôi phục nền độc lập dân tộc. B. Mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

C. Chấm dứt thời kì đô hộ của nhà Minh. D. Kết thúc 1000 năm đô hộ của giặc phương Bắc.

Câu 18. Sự kiện nào dưới đây thể hiện sự đoàn kết một lòng, quyết tâm chống giặc trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)?

A. Hội nghị Bình Than.

B. Hội thề Lũng Nhai.

C. Hội nghị Diên Hồng.

D. Hội thề Đông Quan.

Câu 19. Sự khủng hoảng của chính quyền phong kiến Đàng Trong (chúa Nguyễn) giữa thế kỉ XVIII đã dẫn đến hậu quả nào dưới đây?

A. Tạo thuận lợi cho thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.

B. Nhiều cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân diễn ra.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà Minh xâm lược Đại Việt.

D. Đưa đến tình trạng đất nước bị chia cắt, loạn lạc kéo dài.

Câu 20. Với việc đánh đổ các thế lực phong kiến Lê - Trịnh (Đàng Ngoài), Nguyễn (Đàng Trong), thể hiện vai trò nào sau đây của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc?

A. Hoàn thành thống nhất đất nước.

B. Đưa đất nước phát triển mạnh mẽ.

C. Bước đầu thống nhất đất nước.

D. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

Câu 21. Ý nào dưới đây phản ánh **đúng** về thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Hai bà Trưng (40 – 43)?

A. Lên ngôi vua, đặt tên nước là Vạn Xuân.

B. Duy trì chính sách cai trị của nhà Hán.

C. Lên ngôi hoàng đế, đóng đô ở Cổ Loa.

D. Xung vương, đóng đô ở Mê Linh.

Câu 22. Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (248) chống lại ách cai trị của

A. nhà Hán.

B. nhà Ngô.

C. nhà Lương.

D. nhà Đường.

Câu 23. Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố dân gian dưới đây?

“Ai người khởi nghĩa Lam Sơn

Nằm gai nếm mật không sờn quyết tâm

Kiên cường chống giặc mười năm

Nước nhà thoát ách ngoại xâm hung tàn?”

A. Nguyễn Huệ.

B. Lê Lợi.

C. Lý Thường Kiệt.

D. Lý Bí

Câu 24. Tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi ra đời sau thắng lợi của cuộc kháng chống kẻ thù nào dưới đây?

A. Quân Xiêm

B. Quân Tống.

C. Quân Thanh.

D. Quân Minh.

Câu 25. Giai đoạn 1424 - 1425, nghĩa quân Lam Sơn đã giải phóng một vùng rộng lớn từ

A. Hà Nội đến Nghệ An.

B. Quảng Bình đến Huế.

C. Thanh Hóa đến đèo Hải Vân.

D. Đà Nẵng đến Gia Định.

Câu 26. Địa danh nào dưới đây có liên quan đến chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn (1427) trong cuộc đấu tranh chống quân Minh?

A. Chi Lăng - Xương Giang.

B. Ngọc Hồi - Đống Đa.

C. Sông Bạch Đằng.

D. Rạch Gầm - Xoài Mút.

Câu 27. Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng nguyên nhân thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Nghĩa quân có đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn.

B. Quân Minh gặp khó khăn nên chủ động rút quân về nước.

C. Nhân dân Việt Nam có tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.

D. Dựa vào dân để phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng tình hình Đàng Trong giữa thế kỉ XVIII?

A. Chính quyền phong kiến suy yếu.

B. Trật tự xã hội ổn định.

C. Đời sống nhân dân khổ cực.

D. Kinh tế sa sút nghiêm trọng.

Câu 29. Quân Xiêm dựa vào cơ nào để tiến quân xâm lược Đại Việt (1784)?

A. Lê Chiêu Thống cầu cứu vua Xiêm chống lại Tây Sơn.

B. Quân Tây Sơn quấy nhiễu, xâm phạm lãnh thổ của Xiêm.

C. Nguyễn Ánh cầu cứu vua Xiêm để chống lại quân Tây Sơn.

D. Tiềm lực nước Xiêm hùng mạnh, chủ động mang quân xâm lược.

Câu 30. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu vai trò của nghĩa quân Tây Sơn bước đầu thống nhất đất nước?

A. Đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

B. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

C. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

D. Lật đổ thế lực phong kiến Đàng Ngoài, Đàng Trong.

Câu 31. Nhà Thanh dựa vào cơ nào để tiến quân xâm lược Đại Việt vào năm 1788?

A. Nguyễn Ánh cầu cứu nhà Thanh để chống lại quân Tây Sơn.

B. Chính quyền phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài suy yếu.

C. Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh để chống lại quân Tây Sơn.

D. Quân Tây Sơn quấy nhiễu, xâm phạm lãnh thổ của Mãn Thanh.

Câu 32. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng đóng góp của phong trào Tây Sơn với lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Thống nhất đất nước từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau.

B. Xóa bỏ tình trạng chia cắt, bước đầu thống nhất đất nước.

C. Lật đổ chính quyền phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài.

D. Đánh bại quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ độc lập của đất nước.

CHỦ ĐỀ 5

BÀI 9. CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

1/ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Nhà Trần lâm vào khủng hoảng và suy yếu:

a/ Kinh tế: Sa sút, nhiều năm mất mùa, đói kém.

b/ Xã hội:

- Vương hầu, quý tộc, địa chủ nắm trong tay nhiều ruộng đất.

- Nông dân bán ruộng đất, vợ con cho các quý tộc biến họ thành nô tì.

-> Mâu thuẫn giữa nông dân nghèo, nô tì và giai cấp thống trị trở nên gay gắt.

=> Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì nổ ra.

c/ Chính trị:

- Vua quan ăn chơi sa đọa, không quan tâm việc nước, triều chính bị gian thần làm lung lay đoạn.

- Triều Trần gặp khó khăn khi đối phó với các cuộc tấn công của Chăm-pa và sự đe dọa của nhà Minh.

- Hồ Quý Ly thâm tóm quyền lực, buộc vua Trần nhường ngôi lập ra triều Hồ (1400-1407).

2/ NỘI DUNG CẢI CÁCH

a/ Kinh tế, xã hội

- Chính sách hạn điền, hạn nô.

- Cải cách thuế khóa, thống nhất đơn vị đo lường, đặc biệt là phát hành tiền giấy.

b/ Quân sự

- Tăng cường lực lượng chính quy, phòng thủ nơi hiểm yếu.

- Thống kê nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên.

- Xây nhiều thành lũy, chế tạo súng thần cơ, thuyền chiến,...

c/ Văn hóa, giáo dục

- Bắt nhà sư dưới 50 tuổi hoàn tục.
- Chấn chỉnh thi cử, đặt học quan đến cấp phủ, châu.
- Tuyển chọn quan lại bằng thi cử.
- Đề cao chữ Nôm.

3/ KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA

- Cuộc cải cách có nhiều điểm tiến bộ:
 - + Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.
 - + củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.
- Bước đầu ổn định xã hội, củng cố tiềm lực đất nước để chống giặc ngoại xâm.
- * Cải cách chưa triệt để, kết quả cải cách còn hạn chế.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ diễn ra trong bối cảnh

- A. Quân Minh xâm lược Đại Việt.
- B. Nhà Trần đang thời kì thịnh vượng.
- C. Nhà Trần suy yếu, khủng hoảng.**
- D. Nhà Hồ lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Câu 2. Ý nào dưới đây phản ánh *đúng* sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội của nhà Trần vào cuối thế kỉ XIV?

- A. Đời sống nhân dân bấp bênh, khổ cực.**
- B. Diện tích ruộng đất công được mở rộng.
- C. Nhà Trần không còn khả năng bảo vệ đất nước.
- D. Vua và các tầng lớp quý tộc ăn chơi, hưởng lạc.

Câu 3. Nội dung nào sau đây phản ánh *không* đúng tình hình khủng hoảng về kinh tế - xã hội của Đại Việt vào cuối thế kỉ XIV?

- A. Sản xuất nông nghiệp sa sút.
- B. Thường xuyên mất mùa, đói kém.
- C. Ruộng đất công ngày càng mở rộng.**
- D. Ruộng đất tập trung trong tay quý tộc.

Câu 4. Ý nào dưới đây phản ánh *đúng* hậu quả từ sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội của Đại Việt cuối thế kỉ XIV?

- A. Thế lực của quý tộc, quan lại ngày càng lớn.
- B. Các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.
- C. Diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân, nô tì.**
- D. Nhà Trần bắt lực trước yêu sách ngang ngược của nhà Minh.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh sự suy yếu về chính trị của nhà Trần vào cuối thế kỉ XIV?

- A. Bị nhà Minh xâm lược và đặt ách đô hộ.
- B. Bắt lực trước các cuộc tấn công của Chăm-pa.**
- C. Ruộng đất chủ yếu tập trung trong tay quý tộc.
- D. Đất nước bị chia cắt, loạn lạc, nhân dân khổ cực.

Câu 6. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng những yêu cầu khách quan đặt ra cho nhà nước Đại Việt vào cuối thế kỉ XIV?

- A. Xây dựng, củng cố đất nước về mọi mặt.
- B. Giải quyết khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- C. Thủ tiêu những yếu tố cát cứ của quý tộc Trần.
- D. Duy trì các chính sách cai trị cũ để ổn định đất nước.**

Câu 7. Một trong những chính sách cải cách quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của Hồ Quý Ly là

- A. ban hành tiền đồng thay thế cho tiền giấy.
- B. cho phép tự do kinh doanh, buôn bán.
- C. phát hành tiền giấy thay thế cho tiền đồng.**
- D. miễn giảm thuế cho nhân dân lao động.

Câu 8. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng chính sách cải cách trên lĩnh vực kinh tế của Hồ Quý Ly?

A. Ban hành chính sách hạn nô.

B. Ban hành chính sách hạn điền.

C. Đề cao vai trò của chữ Nôm.

D. Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

Câu 9. Hồ Quý Ly ban hành chính sách *hạn điền* và *hạn nô* nhằm mục đích nào sau đây?

A. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

B. Hạn chế thế lực của quý tộc Trần.

C. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo.

D. Thúc đẩy thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây là *đúng* về chính sách *hạn điền* của Hồ Quý Ly ?

A. Khuyến khích nhân dân đi khai hoang lập ấp.

B. Cho phép quý tộc lập các điền trang rộng lớn.

C. Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân.

D. Cho phép vương hầu, quý tộc mộ dân đi khai hoang.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh *đúng* cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly?

A. Dời đô từ Tây Đô về Thăng Long.

B. Bố trí bãi cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.

C. Chế tạo được súng thần cơ, thuyền chiến.

D. Chế tạo được súng đại bác theo kiểu phương Tây.

Câu 12. Công trình kiến trúc nào sau đây thời nhà Hồ đã được UNESCO công nhận là Di sản thế giới vào năm 2011?

A. Hoàng thành Thăng Long.

B. Thành Tây Đô.

C. Phố cổ Hội An.

D. Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Câu 13. Nội dung nào sau đây *không* phải là cải cách trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục của Hồ Quý Ly?

A. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo.

B. Đề cao vai trò của chữ Nôm.

C. Dịch sách chữ Nôm sang chữ Hán.

D. Dùng chữ Nôm để 찬 hưng văn hóa dân tộc.

Câu 14. Ý nào dưới đây phản ánh đúng cải cách trên lĩnh vực văn hóa của Hồ Quý Ly ?

A. chú trọng Phật giáo, hạn chế Nho giáo.

B. dịch sách từ chữ Nôm sang chữ Hán.

C. đề cao và khuyến khích dùng chữ Nôm.

D. nâng Phật giáo lên vị trí Quốc giáo.

Câu 15. Để hạn chế sự phát triển của Phật giáo, Hồ Quý Ly đã thực hiện chính sách nào sau đây?

A. Đánh thuế nặng đối với những người theo đạo Phật.

B. Phá bỏ các đền, chùa, cơ sở thờ tự của Phật giáo.

C. Nghiêm cấm việc xây dựng các đền chùa mới.

D. Buộc các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục.

Câu 16. Trên lĩnh vực chính trị, những cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã

A. góp phần củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

B. góp phần tăng cường thế lực của tầng lớp quý tộc họ Trần.

C. đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ lập hiến.

D. xâm phạm đến sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Câu 17. Những cải cách trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục của Hồ Quý Ly đã

A. góp phần nâng cao vị thế của Phật giáo.

B. thể hiện tư tưởng tiến bộ và tinh thần dân tộc.

C. phản ánh sự lệ thuộc sâu sắc vào văn hóa Trung Hoa.

D. khuyến khích sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo.

Câu 18. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng kết quả của cuộc cải cách do Hồ Quý Ly và nhà Hồ tiến hành?

- A. Góp phần củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.
- B. Giáo dục mở rộng cho nhiều đối tượng và mang tính thực tiễn.
- C. Góp phần nâng cao tiềm lực kinh tế - quốc phòng của đất nước.
- D. Tạo tiềm lực để nhà Hồ bảo vệ thành công nền độc lập dân tộc.**

BÀI 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

1/ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội từng bước ổn định, tuy nhiên bộ máy nhà nước bắt đầu bộc lộ một số hạn chế.
- Quyền lực tập trung chủ yếu vào tay đại thần, ảnh hưởng tính tập quyền nhà nước.
- Các vị vua kế vị ít tuổi, quan lại lộng quyền, tham nhũng phổ biến.
- Đất nước rộng lớn được chia thành 5 đạo.
- Lê Thánh Tông tiến hành cải cách nhằm tăng cường quyền lực của vua và bộ máy nhà nước.

2/ NỘI DUNG CẢI CÁCH

a/ Hành chính

- Trung ương: xóa bỏ chức quan đại thần quyền lực lớn, vua nắm mọi quyền hành và trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn.
- Địa phương: năm 1466, chia đất nước thành 12 đạo và phủ Trung Đô; năm 1471, thêm đạo thừa tuyên thứ 13 là Quảng Nam. Đặt đầu thừa tuyên là Đô Ty (quân sự), Thừa Ty (dân sự) và Hiến Ty (tư pháp).
- Tuyển chọn quan lại bằng khoa cử.

b/ Pháp luật

- Quản lý nhà nước bằng pháp luật: bộ Quốc triều hình luật (luật Hồng Đức) bảo vệ quyền lợi người già và trẻ em, bảo vệ sản xuất nông nghiệp....

c/ Quân đội và quốc phòng:

Quân đội được chia thành 2 loại: Cấm binh và ngoại binh.

d/ Kinh tế

- Phát triển kinh tế bằng chế độ lộc điền, quân điền.

e/ Văn hóa, giáo dục

- Biên soạn quốc sử: Đại Việt sử ký toàn thư.
- Sử dụng lễ, nhạc được luật hóa nghiêm túc.
- Chú trọng giáo dục và khoa cử.
- Xây lại Văn miếu, mở rộng Thái học viện và lập trường học ở nhiều địa phương, lập bia đá ở Văn Miếu để tôn vinh người đỗ đại khoa.

3/ KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA

a/ Kết quả:

- Bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, đề cao quyền hành toàn diện của Hoàng đế, hạn chế tập trung quyền lực vào tay quan lại.
- Kinh tế nông nghiệp, giáo dục khoa cử, ... đều phát triển.

b/ Ý nghĩa:

- Góp phần chuyển biến toàn bộ quốc gia.
- Tạo cơ sở cho vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Năm 1460, Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh

- A. tình hình đất nước từng bước ổn định.**
- B. nhà Lê lâm vào khủng hoảng, suy yếu.
- C. nhà Minh đang lấn le xâm lược Đại Việt.
- D. nhà Lê đang ở thời kì phát triển đỉnh cao.

Câu 2. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng tình hình nhà Lê vào giữa thế kỉ XV?

- A. Kinh tế - xã hội phục hồi và phát triển; đời sống nhân dân ổn định.
- B. Tình trạng quan lại lộng quyền, tham nhũng ngày càng phổ biến.

C. Xuất hiện những mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.

D. Đại Việt phải đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Minh.

Câu 3. Trong bối cảnh nước Đại Việt giữa thế kỉ XV đã đặt ra yêu cầu tiến hành cải cách nhằm

A. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

B. tăng cường tiềm lực, đánh bại giặc Minh xâm lược.

C. tăng cường quyền lực của hoàng đế và bộ máy nhà nước.

D. tăng cường sức mạnh chống lại cuộc tấn công của Chăm-pa.

Câu 4. Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, cả nước Đại Việt được chia thành

A. 13 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

B. 13 tỉnh và phủ Trung Đô.

C. 10 đạo thừa tuyên và phủ Thăng Long.

D. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.

Câu 5. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng những chính sách cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính?

A. Hoàn thiện hệ thống các cơ quan chuyên môn.

B. Tăng cường quyền lực cho các quan đại thần.

C. Đặt thêm Lục khoa để hỗ trợ và giám sát Lục bộ.

D. Tuyển chọn quan lại thông qua hình thức khoa cử.

Câu 6. Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, bộ máy chính quyền ở mỗi đạo thừa tuyên gồm 3 ty là

A. Đô ty; Thừa ty và Hiến ty.

B. Phủ ty; Huyện ty và Xã ty.

C. Châu ty; Huyện ty và Xã ty.

D. Tỉnh ty, Pháp ty và Hiến ty.

Câu 7. Trong cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, Đô ty là cơ quan chuyên trách về

A. dân sự.

B. quân sự.

C. tư pháp.

D. kinh tế.

Câu 8. Trong cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, Thừa ty là cơ quan chuyên trách về

A. dân sự.

B. quân sự.

C. tư pháp.

D. kinh tế.

Câu 9. Trong cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, Hiến ty là cơ quan chuyên trách về

A. dân sự.

B. quân sự.

C. tư pháp.

D. kinh tế.

Câu 10. Trong cải cách của vua Lê Thánh Tông, hình thức tuyển chọn quan lại chủ yếu là

A. đề cử.

B. khoa cử.

C. tiến cử.

D. bầu cử.

Câu 11. Trong cải cách của vua Lê Thánh Tông về pháp luật với sự ra đời của bộ luật nào sau đây?

A. Luật Gia Long.

B. Hình thư.

C. Hoàng triều luật lệ.

D. Quốc triều hình luật.

Câu 12. Bộ Quốc Triều hình luật dưới thời Lê sơ còn có tên gọi khác là

A. Luật Gia Long.

B. Lê triều luật lệ.

C. Hoàng Việt luật lệ.

D. Luật Hồng Đức.

Câu 13. “*Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ... Nếu người dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm môi cho giặc, thì tội phải chu di*”, phản ánh điều gì trong câu nói của vua Lê Thánh Tông?

A. Chính sách đại đoàn kết dân tộc của nhà Lê sơ.

B. Quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhà Lê.

C. Chính sách ngoại giao mềm dẻo của triều Lê sơ.

D. Quyết tâm gìn giữ nền độc lập dân tộc của nhà Lê.

Câu 14. Một trong những điểm mới và tiến bộ của Quốc triều hình luật thời Lê sơ là bảo vệ quyền lợi của

A. hoàng tộc.

B. phụ nữ.

C. quan lại.

D. địa chủ phong kiến

Câu 15. Một trong những điểm mới của bộ Quốc triều hình luật thời Lê sơ là

A. gia tăng hình phạt đối với người phạm tội.

B. đề cao vai trò và địa vị của nam giới.

C. bảo vệ những người yếu thế trong xã hội.

D. giảm nhẹ hình phạt đối với người phạm tội.

Câu 16. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, quân đội được chia làm 2 loại là

A. cấm binh và ngoại binh.

B. quân chính quy và dân quân.

C. hương binh và ngoại binh.

D. quân chủ lực và quân phòng vệ.

Câu 17. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, chế độ ban cấp ruộng đất làm bổng lộc cho quý tộc, quan lại được gọi là

A. quân điền.

B. lộc điền.

C. phúc điền.

D. thường điền.

Câu 18. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, chế độ ban cấp ruộng đất cho tất cả các tầng lớp nhân dân được gọi là

A. quân điền.

B. lộc điền.

C. phúc điền.

D. thọ điền.

Câu 19. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng những chính sách cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế?

A. Ban cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại từ tứ phẩm trở lên.

B. Khuyến khích nhân dân khai khẩn đồn điền, mở rộng diện tích canh tác.

C. Thực hiện chính sách quân điền và lộc điền cho tất cả quan lại và nhân dân.

D. Ban cấp ruộng đất cho quan lại từ tam phẩm trở xuống và các tầng lớp nhân dân.

Câu 20. Năm 1484, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu nhằm

A. ghi chép lại chính sử của đất nước.

B. quy định chế độ thi cử của nhà nước.

C. tôn vinh những người đỗ đại khoa.

D. ca ngợi công lao của các vị vua.

Câu 21. Nội dung nào *không* phản ánh đúng mục đích của việc dựng bia Tiến sĩ trong Văn Miếu?

A. Vinh danh những người đỗ đạt cao trong các kì thi do nhà nước tổ chức.

B. Khuyến khích, cổ vũ tinh thần học tập, thi cử của quần chúng nhân dân.

C. Lưu truyền những tấm gương đỗ đạt cao trong các kì thi cho thế hệ sau.

D. Khẳng định vị trí của nho giáo trong nền giáo dục của nước Đại Việt.

Câu 22. Dưới thời Lê Thánh Tông, Nho giáo

A. bước đầu được du nhập vào Đại Việt.

B. trở thành hệ tư tưởng chính thống trong xã hội.

C. không còn ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

D. suy yếu và mất dần vị thế trong xã hội.

Câu 23. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng kết quả của cuộc cải cách dưới thời vua Lê Thánh Tông?

A. Bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, tập trung cao.

B. Tạo nên tảng cho sự phát triển của kinh tế nông nghiệp.

C. Thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực văn hóa - giáo dục.

D. Xuất hiện xu hướng phân tán quyền lực trong bộ máy nhà nước.

Câu 24. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giải quyết triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội Đại Việt đương thời.

B. Tăng cường tiềm lực đất nước, góp phần vào chiến thắng chống quân Minh.

C. Tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

D. Giúp Đại Việt giữ vững vị thế là cường quốc hùng mạnh nhất khu vực châu Á.

Bài 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA VUA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

1/ BỐI CẢNH LỊCH SỬ DIỄN RA CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG

- Nhà Nguyễn cai quản đất nước rộng lớn, kéo dài từ Bắc và Nam.

- Đất nước trải qua chiến tranh và chia cắt lâu dài.

- Bộ máy hành chính:

+ Trung ương: nhiều cơ quan chưa hoàn thiện.

+ Địa phương: Bắc Thành và Gia Định Thành là mầm mống của tính phân quyền,

tổ chức hành chính giữa các khu vực thiếu thống nhất.

- Quan lại trong bộ máy nhà nước do các quan võ nắm giữ.

2/ NỘI DUNG CUỘC CẢI CÁCH

*** Trung ương:**

- Cải tổ Văn thư phòng (Nội Các) và thành lập Cơ mật viện: tham mưu và là cơ quan tư vấn tối cao của Hoàng đế về hành chính, chính trị, an ninh, quân sự.
- Hoàn thiện cơ cấu và chức năng của Lục bộ, Quốc tử giám, Hàn lâm viện,...
- Đô sát viện và lục Khoa: giám sát thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương.

*** Địa phương:**

- Chia đất nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.
- Đứng đầu tỉnh là Tổng đốc, Tuần phủ và do quan lại ở triều đình cai trị trực tiếp.
- Cải tổ chế độ Hôi ty: mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng,....

3/ KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA

a/ Kết quả:

- Xây dựng chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ,
- Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
- Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ.
- Phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan.

b/ Ý nghĩa:

- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính, làm bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về tổ chức hoạt động bộ máy nhà nước.
- Là di sản lớn nhất của cuộc cải cách về phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh có giá trị đến ngày nay.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh *đúng* tình trạng bộ máy chính quyền nhà Nguyễn trước cải cách của Minh Mạng?

- A. Chính quyền trung ương xây dựng hoàn thiện.
- B. Ở địa phương, tính phân quyền còn đậm nét.**
- C. Tổ chức hành chính giữa các khu vực thống nhất.
- D. Bộ máy nhà nước chủ yếu do quan văn nắm giữ.

Câu 2. Dưới thời vua Minh Mạng, chức quan đứng đầu mỗi tỉnh được gọi là

- A. Tổng trấn.
- B. Lí trưởng.
- C. Tuần phủ.**
- D. Tỉnh trưởng.

Câu 3. Sau cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng, cả nước Việt Nam được chia thành

- A. 63 tỉnh, thành.
- B. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.**
- C. 30 tỉnh, 4 thành phố.
- D. 13 đạo thừa tuyên.

Câu 4. Dưới thời vua Minh Mạng đã đổi tên nước ta là

- A. Đại Việt.
- B. Việt Nam.
- C. Nam Việt.
- D. Đại Nam.**

Câu 5. Trong cải cách của vua Minh Mạng, cơ quan nào sau đây thực hiện chức năng tư vấn tối cao cho nhà vua những vấn đề quan trọng về quân sự, quốc phòng, an ninh?

- A. Nội các.
- B. Đô sát viện.
- C. Cơ mật viện.**
- D. Thái y viện.

Câu 6. Trong cải cách của vua Minh Mạng, cơ quan nào sau đây thực hiện chức năng giám sát, thanh tra giữa các cơ quan trung ương?

- A. Nội các.
- B. Đô sát viện.**
- C. Cơ mật viện.
- D. Thái y viện.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây *không* đúng về chính sách cải cách của vua Minh Mạng đối với vùng dân tộc thiểu số?

- A. Bãi bỏ chế độ cai trị của các tù trưởng địa phương.
- B. Bỏ dụng quan lại của triều đình đến cai trị trực tiếp.
- C. Chỉ bổ nhiệm các tù trưởng địa phương để cai quản.**
- D. Thống nhất cơ quan hành chính cấp xã như vùng đồng bằng.

Câu 8. Sau cải cách của vua Minh Mạng, cơ cấu đơn vị hành chính của nước ta được phân cấp theo mô hệ thống nào dưới đây?

- A. Tỉnh → Phủ → Huyện/châu → Tổng → Xã.**

- B. Thành phố → Tỉnh → Huyện → Hương → Xã.
C. Đạo thừa tuyên → Phủ → Châu → Huyện → xã.
D. Tỉnh → Phủ → Thành phố → Thị Xã → Huyện.

Câu 9. Để ngăn chặn tình trạng quan lại cấu kết bè phái, lộng quyền ở địa phương, vua Minh Mạng thực hiện cải tổ chế độ nào sau đây?

- A. Quân điền. B. Lộc điền. C. Hôi ty. D. Bổng lộc.

Câu 10. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng là một cuộc cải cách khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó, trọng tâm là lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Kinh tế. B. Văn hóa. C. Giáo dục. D. Hành chính.

Câu 11. Nội dung nào sau đây *không* đúng về kết quả cuộc cải cách của vua Minh Mạng?

- A. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.
B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
C. Làm xuất hiện mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.
D. Cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ, phân định cụ thể.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là *đúng* về ý nghĩa cuộc cải cách của vua Minh Mạng?

- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính.
B. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.
C. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
D. Cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ, phân định cụ thể.

Câu 13. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách dưới thời vua Minh Mạng?

- A. Thể hiện tài năng, tâm huyết của vua Minh Mạng.
B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
C. Để lại di sản quan trọng trong nền hành chính quốc gia.
D. Làm cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trước.

Câu 14. Trong cải cách của vua Minh Mạng, Nội các thay thế cho Văn thư phòng chuyên trách về nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Giáo dục. B. Hành chính. C. Quân sự. D. Xây dựng.

HẾT